

DINH MẠNH THOẠI

*Kể chuyện
nhà giáo
kiệt xuất*

CHU
VĂN
AN



DODUYN



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ



ĐINH MẠNH THOẠI

- Sinh 1921 tại Phủ Lý - quê Lạc Tràng (Hà Nam)
- Học trường Bưởi (1938 - 1942)
- Đại học sư phạm Văn (1963)
- Năm 1944, truyền bá quốc ngữ ở Hà Nam
- Được công nhận cán bộ hoạt động trước Cách mạng tháng Tám 1945
- Từ 1945 dạy Văn - quản lý trường
- Tác giả một số truyện ký, bút ký, kịch bản sân khấu và là dịch giả một số tác phẩm Nga, Anh, Pháp.

ĐINH MẠNH THOẠI

Kể chuyện

**NHÀ GIÁO KIỆT XUẤT
CHU VĂN AN**

DK 462

PC 577

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

MẤY LỜI NÓI ĐẦU

Có lẽ, trong sự nghiệp “trồng người”, nhà giáo kiệt xuất Chu Văn An là hãn hữu, có thể nói số một, từ trước đến nay.

Không phải, vì ông có tuổi nghề 40 năm.

Cũng chưa phải, vì ông là Tư nghiệp Quốc Tử giám, trường Đại học đầu tiên ở nước ta.

Cũng chưa đúng, trong hàng nghìn học trò ông dạy, đa phần trưởng thành, có những người làm Tế tướng. Hoặc có cả học trò huyền thoại, con vua thủy tề cũng đến học, do tiếng tốt của trường Huỳnh Cung ông dạy, vang xa đến tận long cung .

Trong chế độ phong kiến, cuộc đời ông không khỏi thăng trầm, nhưng *nghề dạy học, đã là lý tưởng và lẽ sống của ông, nên dù hoàn cảnh nào, ông cũng không bỏ dạy học.*

Đỗ đạt cao - tương truyền ông đỗ Thái học sinh - nhưng , đêm này sang đêm khác, ông chong đèn đọc sách, định ra bài giảng, nghiền ngẫm ý tứ giảng cho từng đối tượng học trò. Sáng sáng, dù là ông giáo làng ở trường Huỳnh Cung, là Tư nghiệp ở Quốc Tử giám, hay là Tiều Ẩn (người tiều phu ở ẩn) ở vùng núi Chí Linh , ông đều cần mẫn giảng bài.

Hình như trong mỗi bài giảng, ông như con tầm nhả tơ, tơ phải vàng óng, để dệt cho học trò những “tấm áo” kiến thức, tâm hồn thật đẹp mà chỉ học thầy Chu, học trò mới được diễm phúc ấy.

Sách ông dạy học trò, đều là sách kinh điển của Nho giáo, theo chương trình mộng học (vỡ lòng), ấu học (tạm so sánh tiểu học), trung tập (trung học), đại tập (đại học). Nhưng hơn ai hết, Chu Văn An thấy nghề dạy học rất khó, hiệu quả từng bài giảng gần như trừu tượng và vô hình, len lỏi trong tâm khảm học sinh, như giọt mật li ti nhỏ, được vắt khéo từ nhụy hoa, của người thầy phải chất lọc kiến thức và nhào nặn bằng tấm lòng của mình và phải từ sâu thẳm trái tim mình để truyền đến cho từng học trò. Một thầy giáo như Chu Văn An, không bao giờ tự cho bài giảng của mình là đã đủ, đã hay. Vì thế ông không ngừng học tập, đọc sách và nghiền ngẫm thêm nghĩa lý của sách cho bài giảng ngày càng rộng mở.

Bởi vì, từng chữ, từng ý, nhất là chữ, ý ấy, lại kinh điển, nghĩa là sàng lọc qua bao thời gian vẫn óng ánh sức sống, nên thầy Chu chuẩn bị giảng bài, đâu đơn giản như cái máy nói ?

Vấn ý tưởng thuộc lòng ấy của câu nào đó trong Thánh Kinh, nhưng lòng người dạy có rộng mở, mê si với nghề, mới có khám phá, khám phá hơn cả người được trang bị hiện đại lặn sâu dưới đáy biển, kỳ thú trước thiên nhiên mới mẻ, nhìn chỗ nào cũng đẹp. Nhưng chữ nghĩa bài giảng, đâu nhìn bằng mắt mà khám phá được chiều sâu của nó ?

Người viết ra chữ nghĩa kinh điển ấy, đã từng bao năm tích lũy kinh nghiệm đời và kiến thức, lại đã từng cân nhắc, rung động thế nào, mới mài mò được cái thần con chữ.

Người dạy như thầy Chu, đâu phải thuộc lòng để dạy trơn tru ? Có tìm được ngọc quý nơi con chữ, lại không phải mắc bệnh “thị trường”: có ngọc, thì bán đi. Ngược lại, thầy Chu tâm niệm nghiêm túc “bán” thế nào và “bán” cho ai ? Nghĩa là, *bài giảng của thầy Chu nồng đượm tình ý người xưa, để chuyển nó thành chất dinh dưỡng, học trò thấy bổ ích, hấp thụ với tất cả sự tin tưởng, kính yêu thầy giáo.*

Sinh năm 1292 và mất năm 1370, Chu Văn An, tuổi thiếu thời và lớn lên đi học, được may mắn sống trong hào khí Đông A, nhà Trần ba lần chiến thắng Nguyên - Mông. Ông không đi lối mòn làm quan, lấy cứu cánh là vinh thân phì gia.

Người con trai, người thầy giáo gần kinh đô có “hoài bão” trông người, “lấy trông người” là lẽ sống cao đẹp để theo đuổi, suốt cả cuộc đời.

Bởi thế, mở trường tư Huỳnh Cung tại quê nhà và gần kinh đô, ông giảng dạy tận tình và lời cuốn. Rồi, tiếng lành đồn xa, ông được vời vào kinh làm Tư nghiệp Quốc Tử giám dạy hai đời vua, Hiếu Tông và Dụ Tông.

Nhưng đời Hiếu Tông, rồi sau là Dụ Tông, là lúc triều Trần suy vi, tất nhiên cỏ dại, sâu đục lá đã dần phá tan cơ nghiệp đời Trần. Những con sâu đục lá ấy, là lớp gian thần, bằng mọi thủ đoạn tinh vi, dẫn dắt hai vua tha hóa, biến chất đến kinh khủng.

Đời Dụ Tông, cực chẳng đã, ông dâng sớ “Thất trăm”, thì cũng là lúc ông tiếp theo sự khảng khái, treo áo từ quan về ở ẩn mở trường dạy học và ngao du sơn thủy. Khi ấy, tuổi đã cao, nhưng vốn là họa mi, sao ông tự cấm mình không được hót? Nghĩa là, “trông người” đã cấu thành máu thịt, thành hơi thở

của ông, sao lại dừng được? Dừng, có nghĩa là đang sống trên cõi đời này mà như đã chết rồi sao?

Không, Chu Văn An đi giày cỏ nhưng ông vẫn lại tiếp tục dạy học ở Chí Linh, lấy dạy học làm nguồn vui.

Ngoài dạy học ra, Chu Văn An còn làm thơ, còn trước tác. Dù văn kiện “Thất trăm số”, không dày về số trang, nhưng lại rất dày về tâm huyết. Khí phách ông, danh sĩ, danh nho đời đời sau đều đánh giá là “động trời” ! *Tứ thư thuyết ước*, khác nào sự tinh luyện tài tình của bộ óc uyên thâm và trái tim nồng hậu cống hiến cho sự nghiệp “trồng người” ? *Quốc ngữ thi tập*, *Y học yếu giải*, những tác phẩm giá trị vô song ấy, nhất là *Thất trăm số*, đã bị quân Minh vơ vét sạch đem về nước cùng bao sách quý của ta. Nhưng người xưa đánh giá không ngoa: *Chu Văn An là sao Bắc Đẩu là sao Khuê vẫn mãi chiếu sáng.*

Với cuốn “*Kể chuyện nhà giáo kiệt xuất Chu Văn An*”, tác giả, cũng là nhà giáo đi theo cách mạng, cũng trọn đời dạy học, tự mạo muội và bạo tay hư cấu, trên cơ sở tư liệu xác thực đã có về Chu Văn An. Tác giả xác định tự có tội với Chu Văn An, nếu lực không chiều theo cái tâm của mình. Đồng thời, cũng không tránh được khiếm khuyết với độ

giả đáng quý khi đọc sách này. Xin thành tâm cáo
lỗi và mong các vị chỉ bảo thêm.

ĐINH MẠNH THOẠI

*Thành phố Hồ Chí Minh,
mới chuyển mùa khô sang
mùa mưa, năm Kỷ Mão
(1999), năm của chuyển
bước thiên niên kỷ XX
sang thiên niên kỷ XXI.*

I- THIẾU THỜI - QUÁ KHỨ CÒN MỜ ẢO

Hôm ấy, ngồi đọc Kinh Sử, từ sáng sớm cho đến khi ánh nắng chỉ còn thấp thoáng ngoài đại nửa hiên nhà, tự nhiên chàng trẻ tuổi Văn An thấy thấm mệt hơn mọi ngày.

Qua kẽ hở của đại nửa, một con gà mái, vượt chân cần mẫn bới cỏ, chốc chốc lại cục cục gọi đàn gà con, lông tơ vàng mịn, mỏ kêu chiếp chiếp, chạy theo đúng chỗ gà mẹ vừa vạch cỏ giữ môi. Phía xa, cạnh bờ rào dâm bụt, con trống sục vào sát rễ dâm bụt, cũng cục cục mấy tiếng. Vài chú gà con lớn hơn, nhanh chân chạy lại chỗ gà bố, tranh nhau mổ con sâu đang ngoe ngoáy chạy trốn, nhưng vô ích.

Ý tứ trang sách Kinh Sử len lỏi trong đại não, mà chưa bừng sáng, chưa khám phá được chiều sâu chữ nghĩa, Văn An như phân tán tư tưởng khi nhìn đàn gà, cảnh gà bố gà mẹ cả ngày quanh quẩn tìm môi ít ỏi để nuôi con.

Lúc ấy, bà Lê Thị Chiêm, về chợ và vào đến cổng, đầu đội thúng gạo, tay cắp bó bã mía. Hình ảnh này, quá quen thuộc với Văn An. Chàng thừa hiểu rằng, sáng tinh mơ mẹ đi chợ, cái thúng úp trên vai, trong thúng lục cục chỉ có cái đầu mang

theo. Có gì đâu, những ngày nông nhàn, mẹ chạy chợ kiếm thêm.

Vốn liếng chẳng có, nhưng nhờ xóc nổi tháo vát, phiên chợ nào cũng vậy, bà đến chỗ người ta lấy thóc nhà ra xay, giã thành gạo bán để mua chụ. Bà Chiêm vục đấu vào đong, định giá và sang thúng. Rồi bà nhanh chân, đội thúng gạo ra một phía khác dãy hàng gạo, chờ khách. Tính mau mắn, cứ lãi chút ít, bà lại sang thúng bán cho người đến chợ chậm hơn. Còn bã mía, bà nhặt ở chợ, bó lại về phơi, tiết kiệm rơm.

Như đã quen biết và thành lệ tin cậy, dù bà chưa có tiền trả người ta vẫn bán gạo trước cho bà, vì họ dư giả hơn, tranh thủ mua sắm, đến khi họ xong việc thì cũng vừa hay bà gặp họ, trả tiền sòng phẳng. Hình như bà Chiêm có duyên bán hàng, nên mỗi phiên chợ, bà cứ vòng quay động tác ấy, chỉ vài lần, đã thúng rỗng mang về. Khác buổi tinh mơ, đi chợ về là có đấu gạo, sóc cua và mớ cá vụn, nhưng còn tươi, đủ hai bữa thức ăn cho mẹ con.

Bà Chiêm đã vào đến sân, Văn An cũng vừa đến chỗ mẹ.

- Mẹ để con đỡ thúng xuống cho nào.

- Đào ơi, thời buổi làm ăn, người khôn của khó, có lẽ mẹ sẽ làm hàng sáo, chịu khó kiếm bữa cho mẹ con ta, mẹ làm được mà !

Cả gà trống, gà mái mẹ, dẫn đàn gà con đi xa hơn, ra phía cổng đầu ngõ, trông vui mắt và hạnh phúc. Trở lại với cảnh đời thường, Văn An rộn lên nỗi thương mẹ và không dấu diếm xúc cảm :

- Mẹ, mẹ quá vất vả vì con !

- Đào ơi, con cứ hay nói thế, hoàn cảnh mẹ con ta, mỗi người gắng mỗi việc. Rồi bà âu yếm : mẹ hết lòng nuôi con thành người, còn con hết lòng vào dùi mài kinh sử, đời con được rạng rỡ, mẹ cũng được thơm lây !

- Mẹ, con vẫn thường ghi nhớ lời mẹ dạy, mẹ hãy tin tưởng ở con.

Bà Chiêm như được động viên nói :

- Khi dạy con, cha con thường chú ý đến đạo học và đạo hiếu...

Bà ngừng nói, nét mặt vương vất trầm tư. Biết cha vắng nhà từ lâu không về không biết vì công việc hoặc gặp rủi ro gì, mẹ nén buồn và dốc vào nuôi mình ăn học, Văn An cả ngày chăm chỉ dùi mài kinh sử.

Hơn lúc nào hết, Văn An thấm thía, anh cởi mở với mẹ :

- Cha con vắng nhà, nhưng con luôn nhớ đến đạo hiếu cha con dạy, mà mẹ cũng vừa nêu.

Những năm tháng làm bạn với chồng, bà cũng thường được nghe chồng nói với Văn An. Dù bà không biết chữ, nhưng tấm lòng người vợ đối với chồng, tấm lòng người mẹ đối với con, từ cõi lòng chân thành, trong sáng của mình, bà cũng thường nói được những lời hay lẽ phải với con, không trái ngược với đạo Thánh hiền mà con bà vẫn đọc. Và, hôm nay, chạy chợ may mắn kiếm được hơn đấu gạo, nghe Văn An nhắc đến đạo hiếu, bà như tự dốc lòng bà ra, phụ họa với con để giữa mẹ con, có sự hiểu nhau hơn.

- Chắc con còn nhớ, khi dạy con đạo hiếu, cha con thường nói : Làm người, chữ hiếu là cái gốc của tất cả đức hạnh, hiếu thảo với cha mẹ và tôn kính anh em, là thuận với đạo đức.

- Con luôn ghi nhớ điều đó : Người xưa nói, lấy hiếu thảo để cai trị thiên hạ, như vậy từ các vị hoàng đế và các quan trong triều đến các chức sắc ở huyện, xã, hương đều phải coi trọng đạo hiếu.

Anh mắt bà Chiêm như sáng lên, Văn An phấn khởi cởi mở, coi đó là niềm vui và sự đồng cảm giữa mẹ con của một nhà có gia pháp.

- Mẹ ạ, sách xưa còn dạy : bậc trung thần xuất phát từ con người có hiếu, một con người trong nhà không hiếu thảo với cha mẹ sinh ra và dưỡng dục

mình làm sao có thể trở nên một tôi trung. Ý tứ của cổ nhân thật là thấu đáo.

Hiểu tâm sự con, bà Chiêm động viên :

- Mẹ không được ăn học, con nhớ sách, hãy bảo cho mẹ nhớ.

- Mẹ ạ, mẹ biết không, câu đó ở sách Luận ngữ, vốn ban đầu là ghi chép câu nói của Đức Thánh Khổng Tử với các học trò. Sau, Đức Thánh qua đời, các đệ tử của Ngài chỉnh lý và Luận ngữ trở thành trước tác kinh điển của Nho gia đời sau.

Chợt nhớ, đi sâu giảng giải sách Luận ngữ cho mẹ, chỉ làm mẹ rối trí và mất thời giờ của mẹ, Văn An đi thẳng vào câu nói kinh điển :

- Mẹ ạ, câu con nói lúc nãy chính là từ câu chữ Nho : *Trung thân tất xuất ư hiếu tử chi môn*, nghĩa là hiếu là cái đức cao nhất mà vua, tôi, kẻ sĩ và thứ dân đều phải đề cao và thi hành.

Bà Chiêm mừng rỡ, thâm tâm bà nghĩ, con bà có chí, có tâm, sau này, có nhắm mắt xuôi tay, bà cũng vui lòng, vui dạ. Nghĩ thầm trong bụng thôi, bà đánh trống lảng :

- Kìa, nắng đã chiếu gần khắp sân, mẹ còn đi làm cơm sáng cho mẹ con ta ăn.

Nhớ đến giờ này cho đàn gà ăn thêm, bà đứng ở hàng hiên, vãi ít thóc, miệng gọi : chích - chích...bập...bập....Cả con trống, con mái cùng đàn gà con lục tục kéo về. Lấy mỏ quẹt thóc trên nền sân gạch, con mái vừa mổ thóc vừa chọn lựa, được hạt thóc mấy thì cục - cục gọi con, gà mẹ lại ra chỗ thóc khác.

Văn An, cũng ở hàng hiên, bên trong đại nứa, không chán mắt nhìn những chú gà con tranh nhau ăn. Mỗi khi nghe tiếng cục - cục của gà bố hoặc gà mẹ, chúng ùa ra, xô đẩy nhau, non nớt, mảnh khảnh, vui mắt làm sao !

Lúc ấy, một người đàn ông, khăn xếp, áo the đã sờn, quần trắng đã ngả sang cháo lòng, từ cổng bước vào sân, theo sau là một chú bé, tóc húi trọc, chỉ để hai trái đào.

Văn An hơi sững sốt, nếu là người làng, quê mẹ, thì anh đã biết. Được mời vào nhà, người đàn ông, mượn cái đĩa cẩn thận xếp lá trầu, quả cau và gói chè. Hai tay chấp trước ngực một cách trịnh trọng, trong khi chú bé vẫn chống tay vịn mép tràng kỷ, ông lễ phép nói từng tiếng một :

- Thưa thầy, nghe nói thầy sắp mở tràng, tôi có coi trầu, lòng thành xin thầy cho cháu thọ giáo. Văn An, tai vẫn chăm chú nghe, mắt đưa ngang nhìn cậu bé chống tay, vịn tràng kỷ.

- Kia con, khoanh tay vào chứ, người đàn ông nhay bém bảo con. Cậu bé ngoan ngoãn làm theo, đứng thẳng người trước thầy Văn An, hai tay khoanh trước ngực, đầu hơi cúi. Văn An nhìn cậu bé:

- Con người ta, học chữ đã khó, nhưng cái khó hơn là phép tắc, chữ lễ, phải rèn luyện và thực hiện suốt đời. Bởi vậy, ông cha ta mới có câu răn dạy học trò đến trường : tiên học lễ, hậu học văn !

Nhìn người đàn ông, Văn An hỏi :

- Sao bác biết tôi sắp mở tràng ?

- Tài học của thầy, đạo đức của thầy lừng danh khắp tổng ta, khắp huyện ta, ai cũng cầu mong con cháu được thọ giáo thầy mới yên tâm.

Văn An, cầm chén trà, mời ông ta ngồi, vui vẻ:

- Ông xấp giọng.

Rồi thủng thẳng :

- Việc mở tràng quả tôi cũng đang tính, phong thổ nơi ấy, tôi đã coi kỹ.

Người đàn ông như đoán được ý thầy:

- Dạ, tôi thấy phong thủy nơi thầy chọn đẹp lắm, làng trên, xóm dưới, ngay cả làng bên cạnh đều khen thầy tinh đời chọn nơi dựng tràng đấy ạ.

Văn An vẫn bình thản và thủng thẳng nói :

- Tôi vẫn nhớ câu Đức Thánh Khổng Phu Tử : Phong hồ Vũ vu, dục hồ Nghi, ý nói nơi dạy học của Đức Thánh phải là nơi : Hóng gió ở đàn Vũ vu, tắm ở sông Nghi. Cái đó là tính khoáng đạt của Đức Thánh, coi nơi dạy học phải là nơi mở rộng tầm nhìn của các trò, để nghĩa chữ từ sách vở Thánh hiền chấp cánh bay ra.

Mời khách cạn chén trà và tiếp thêm chén trà ngắm, bốc khói, Văn An cũng rót chén trà cho mình, xấp giọng rồi nói :

- Tôi đi tìm và cân nhắc mãi, nơi tràng sắp làm là ở cồn đất giáp hai làng. Nhà học, phía trước giáp hồ, có cái tầm thú vị “phong dục vinh quy” như Đức Thánh dạy. Tôi tin tưởng từ đất tràng, chí nguyện học lễ trước mới học văn sách sau, các trò ắt thành đạt làm nên người xứng đáng.

Ông khách đứng dậy, xin phép cáo lui. Nhìn trò mới vẫn đứng khoanh tay, đầu hơi cúi, Văn An lòng có chút hồ hởi, bảo cậu bé sắp vào trường:

- Thầy cho phép con bỏ tay xuống ra về với cha, chờ làm xong tràng, khai giảng con đến, nhớ câu: Tiên học lễ, hậu học văn đó!

Chờ hai cha con người xin học ra khỏi cổng, bà Chiêm qua đầu sân, từ bếp lên nhà. Có lẽ nghe

câu được câu chăng, bà Chiêm đoán được việc, hỏi con:

- Con định mở tràng sao? Thi cử là cái thang để bước lên danh vọng, ý con khác sao?

Văn An ôn tồn:

- Bao giờ con cũng nghĩ mẹ quá vất vả vì con. Nhưng đạo học, dạy người ích lợi rộng rãi hơn cái mũ cánh chuồn!

Văn An không ngờ mẹ lại nói:

1962 DC 597
- Mẹ có cái thiệt thòi là phận gái không được ăn học. Đến lúc lấy chồng gánh vác giang sơn nhà chồng, lại không may ông ấy đi xa biển biệt. Mẹ tin lương cha con là người có học, ông ấy biết cư xử làm gương cho con cái và giữ được phép nước. Con có chí hướng thế, mẹ chỉ mong con kiên trì như con thường bảo mẹ: đạo học lớn và sâu lắm, đồ đạt làm quan ấy là sung sướng riêng cho bản thân. Nhưng dạy người, người học tấn tới là đạo đức, điều ích lợi này quý bao nhiêu cho đất nước!

Cặp mắt Văn An ánh lên tia sáng tự hào và cảm động, Văn An hơi luống cuống trong niềm vui trong trẻo, sâu lắng:

- Mẹ... mẹ, con cảm ơn và ghi nhớ lời mẹ!

II- TRƯỜNG HUỲNH CUNG - CÁI NÔI DẠY CHỮ VÀ DẠY ĐẠO LÀM NGƯỜI

Rhông khí học tập đời Trần khá sôi nổi. Dù so với bây giờ còn quá ít trường, nhưng đặt vào bối cảnh đời Trần, thế kỷ 13, những trường do triều đình quản lý là: trường Từ Thiện đường, Toát Trai đường, trường ở phủ Thiên Trường là quê hương nhà Trần, trường Quốc Tử giám, những trường này dành riêng cho con em quý tộc. Các làng có điều kiện mở trường do thầy đồ, thầy khóa, ông tú, ông cử làng dạy. Nếu không có thầy dạy địa phương thì hào trưởng mời người ở xa về dạy. Có thể người túng kiết ở xa tìm chỗ dạy trẻ nưng thân.

Như vậy, việc học ở đất văn hiến như nước ta bao giờ cũng được chú trọng, nhất là trường Huỳnh Cung của Chu Văn An, thu hút học trò cả Thăng Long, Kinh Bắc, Sơn Nam v.v..., không kể con nhà khá giả ở nông thôn, mà những học trò có chí con nhà nghèo cũng được nhận học.

Ở trường Huỳnh Cung dù số học trò đông nhưng Chu Văn An tổ chức quy củ chặt chẽ. Toàn trường có đồng môn. Hội đồng môn do thầy Chu Văn An chọn trong môn sinh, ai là người giỏi giang có phẩm chất thì môn sinh suy tôn là Trưởng tràng đứng đầu coi sóc môn sinh. Lại thêm Giám tràng để

hiệp trợ cho Trưởng tràng. Lại nữa, ai là người mẫn cán đặt ra năm, bảy hoặc mười người làm Cán tràng, giúp Trưởng và Giám tràng lo công việc bên ngoài liên quan đến việc học của môn sinh.

Tuy vậy, để tập trung hiệu lực vào thầy giáo, theo quy định chung của quan hệ thầy trò, phải có chữ ký của thầy, học trò mới phục tùng ý kiến của trưởng, giám trưởng.

Do lúc bấy giờ Chu Văn An đã uyên bác, tinh thông các sách đạo nho nên đủ sức dạy môn sinh trường Huỳnh Cung học liền mười năm để nộp quyển dự các kỳ thi hương, thi hội, thi đình, tức tú tài, cử nhân, tiến sĩ. Các môn sinh trong cuộc đời dạy học của thầy Chu, sử sách còn ghi lại: Phạm Sư Mạnh và Lê Quát học trò Chu Văn An đỗ Thái học sinh đời Trần Anh Tông sau làm quan to ở triều đình, đến chức Hành khiển (tể tướng)

Theo cách học ngày ấy, với trò bảy, tám tuổi, thầy Chu cho học Tam Tự kinh, Tứ thư kinh..., mỗi ngày năm ba câu, tập viết vào ván gổ. Độ vài tháng thì cho học sinh vài dòng chữ tập, viết tô. Một năm trở lên học sách khác vừa sức, chuyên viết phóng và cho tập làm câu đối bốn chữ, hạng học sinh này gọi là mộng học.

Hai năm sau viết thành chữ rồi, học đã biết suy nghĩ thì cho học đến Tứ thư, Ngũ kinh, sử Hán

Đường, cho tập làm câu đối phú. Dần dần cho tập làm bài đoạn, bấy giờ gọi là ấu học. Năm ba năm, trò nào có khiếu thông minh mới cho làm thơ, làm phú, làm kinh nghĩa, văn sách. Năm sau nữa, cho học cổ văn, tính lý, chu lễ. Bấy giờ mới gọi là hạng trung tập.

Học trung tập đã khá thì lên trường đại tập. Học trường đại tập, phần giảng thì ít, mà phần tập làm văn chương thì nhiều. Tập ở đây giỏi mới cho đi thi.

Một tháng tập văn chương có 4 kỳ, học trò đem bài về nhà làm, năm sáu hôm thì đem nộp, gọi là văn thường kỳ. Mỗi tháng có hai kỳ học trò phải tập trung một chỗ, vẫn ở nhà học Huỳnh Cung, làm văn một ngày phải xong, gọi là văn nhật khắc, nộp để thầy Chu chấm quyển. Hễ bài văn nào hay nhất, được phê ưu hạng, hay vừa, phê bình hạng, tầm thường, phê thứ hạng, kém lắm thì phê liệt... Mỗi tháng vào ngày mồng một hay rằm, học trò tập trung ở nhà học Huỳnh Cung nghe bình văn. Trò nào tốt giọng được thầy Chu cho ngâm cao tiếng lên để cho trò khác đều nghe mà bắt chước⁽¹⁾.

Cứ đoạn văn dài, ngắn, tùy theo mạch văn, thầy Chu hỏi qua trò xong, thầy bình mở rộng,

⁽¹⁾ Lấy ý ở cuốn Việt Nam phong tục của Phan Kế Bính

khắc sâu, hoặc móc nối, ôn kiến thức cũ. Trò càng thấy vỡ ra cái đẹp cái hay của văn chương, càng thấy kiến thức thầy súc tích, uyên thâm.

Dù dạy trò lớp mộng học, ấu học, hạng trung tập hay đại tập, cứ đến buổi dạy của thầy Chu, trò nào cũng trật tự, nghiêm túc.

Từ khi nhận trò học Tam tự kinh đến đại tập và những kỳ bình văn, thầy Chu đều tuân thủ ý người xưa: thầy không nghiêm, không dạy được trò, ngược lại, trò học không nghiêm, thì không hiểu lời thầy giảng, về nhà học không đào sâu, mở rộng được.

Hôm ấy, thầy Chu nói với trò dù đã lên trường đại tập:

- Cái nghiêm ta dạy các trò luôn có hai chiều, trò lễ phép, tuân thủ những yêu cầu của thầy dạy. Dù trò nhỏ, thầy không bao giờ lấy roi vọt bắt trò nghiêm mà tự trò thấy cái hay, cái đẹp chữ nghĩa thánh hiền để tự mình bắt mình nghiêm ở trường và ở nhà.

Học trò trường Huỳnh Cung im phăng phắc nghe thầy nói và dồn mắt nhìn thầy, mỗi người mang một tâm trạng khác nhau. Ai đã từng thấm lời thầy thì thấm thêm, ai còn chưa đúng với thầy thì tự lòng giật mình, vì đã phụ công thầy dạy bảo.

Thầy Văn An thâm tâm dường như đồng điệu với trò, tiếp tục nói:

- Trò nào nghiêm được trong học tập và vâng lời thầy ấy là cũng thực hiện mặt nào đó của chữ hiếu. Không làm trái ý thầy dạy theo lời lẽ sách của Thánh hiền, cũng là chuyên vào cái gốc Đạo nho.

Thầy Văn An như cần nói thêm ý của mình:

- Chuyên làm được gốc Đạo nho chân chính sẽ không bao giờ gây những cuộc phản loạn. Và trên trường chính trị, không có loạn thần nghịch tử, thiên hạ sẽ tự nhiên thái bình. Nhưng đây chỉ là một vế, ý thầy chỉ mới nói về trò học nghiêm.

Trong im lặng, những ánh mắt của trò không rời thầy, thầy lại giảng:

- Nói thầy dạy nghiêm, tức là thầy dạy bài nào, thầy dạy hạng nào của trò, thầy phải thấu đáo từng ý từng lời bài đó. Phải hiểu sự hấp thụ của trò. Không giảng quá cao hoặc quá thấp. Đó chỉ là một mặt, nhưng cách ăn mặc, cử chỉ, lời nói của thầy phải nghiêm, tức là tuân thủ ý dạy của Đức Thánh. Không khó tính, khắt khe nhưng cũng không xuê xòa, vượt khỏi quy định của chữ lễ.

Trò vẫn lắng nghe. Văn An nhấn thêm:

- Cái nghiêm của thầy còn là sự tận tâm chấm bài, công bằng phê điểm. Lại còn cư xử của thầy khi vắng trò và quan hệ gia đình, bè bạn, làng xóm bao giờ cũng đàng hoàng, chân thật. Người xưa từng nói: thầy nào, trò ấy, có nghĩa thầy là tấm gương sáng cho trò theo.

Cũng gần đúng ngo, thầy Văn An cho trò chuẩn bị tan học. Trưởng, giám và cán tràng như đã bảo nhau sẵn hội đồng môn đứng lên chào thầy và rời lớp. Thầy Văn An nhìn họ: đàn ong tỏa đi khắp ngã, tiếng vo vo cánh ong bay, như dội vào lòng thầy những tiếng nói rì rầm tin tưởng.

Lát sau, thầy nhìn lại sau lưng, chú bé được cha dẫn đến nhà xin học ngày nào đang khoanh tay lễ phép, cúi đầu, thỉnh thoảng lại ngược lên nhìn thầy. Theo yêu cầu của cha chú bé ngày đầu đưa con nhập tràng, thầy đặt tên cho chú là Nguyễn Thanh thay cho cái tên cha mẹ đặt Văn Út. Văn An biết cậu học trò có điều gì riêng tư muốn thưa, dịu dàng bảo:

- Trò có gì định nói?

- Dạ, bẩm thầy, Thanh lễ phép, tuy không khỏi ấp úng: năm nay trời làm hạn, nhà con thiếu thóc ăn, thầy con bảo xin phép thầy cho con nghỉ học.

- Trò nói sao?

- Con xin thầy nghỉ học vì hoàn cảnh...

- Trò không biết, còn vài tháng nữa là con đã xong trung tập, mà xong trung tập, có rẽ ngang, con cũng tạm đủ vốn liếng, có thể làm thầy đồ dạy trẻ ở làng ư?

- Thầy con và con cũng nghĩ thế nhưng, cảnh nhà con... Nhìn nét mặt trò, Văn An nhớ lại mấy năm đèn sách ở nhà học Huỳnh Cung, Thanh sức học không nổi trội hẳn, nhưng lúc nào cũng kính thầy nhường bạn. Thầy gặng hỏi:

- Trò không gắng được sao?

- Bao giờ con cũng muốn đi học, học thầy chữ nào con cũng thấy sáng thêm và càng thấy lời Đức Thánh súc tích và bề học thật mênh mông.

Nghĩ ngợi một lát, Văn An ôn tồn bảo :

- Con về nhà nói với bố mẹ gắng cho con học vài tháng hết trung tập , con đi thi đỗ thì là cậu tú, trượt cũng được sinh đồ.

Thanh buồn rầu:

- Nhờ công ơn thầy dạy bảo, hoàn cảnh gia đình con biết làm sao?

- Thôi, ý thầy là giữ con học hết trung tập, hoàn cảnh con, thầy không muốn con leo cây đã tới cành cao, bỏ dở tiếc công đèn sách.

Trò vẫn lặng im, thầy ân cần:

- Hoàn cảnh con thầy thương lắm, trí tiến thủ của con, cũng rõ. Con về nhà xin phép cha mẹ, từ ngày mai con sang ở với thầy, thầy nhờ hai bác chủ nhà nấu thêm cơm, và sẽ xin phép cho con ngủ ở mé chái nhà còn bỏ không.

Không ngờ toại nguyện, Thanh hớn hở chào thầy rồi xin phép về nhà ở xã bên cạnh.

Ăn xong bữa cơm trưa, Văn An khăn áo về Thanh Liệt thăm mẹ. Mở trường ở đây, lý do chính là đất địa phong thủy, nhưng còn chút u uẩn, đây là quê mẹ. Mà theo tập quán hương ẩm, sống nương náu ở quê ngoại, quê mẹ mình, chứ không phải quê người, không có ràng buộc huyết thống, vẫn chỉ được coi là dân cư ngụ, thường bị rẻ rúng, không được dự hương ẩm làng trong các kỳ hội hè, đình đám.

Làng mà Chu Văn An đặt trường Huỳnh Cung giáp với làng mẹ sinh sống, Văn An thương mẹ, nhưng vì trách nhiệm dạy học, nên phải rời xa không được đêm ngày hầu hạ. Bởi vậy, dù còn uẩn khúc tâm tư, Văn An vẫn thường về thăm mẹ.

Văn An thung thỉnh đi trên con đường liên xã, gió Đầm Mực vẫn mát rượi vuốt ve thầy giáo, dường như chia sẻ tâm tư, dường như thì thầm những lời ngọt lịm về đạo lý làm người động viên thầy giáo

Chu Văn. Từ phía bên kia đầm, trên gò cao, ngôi trường Huỳnh Cung đơn sơ tre nứa, nhưng vẫn có cái gì lồng lộng đẹp sáng tự hào.

Đã qua ngộ lâu rồi, nhưng nắng chiều còn gay gắt. Tìm bóng cây râm mát, lứa gà đã được thay thế bao lần rồi đang cục cục gọi con. May mắn Văn An duy trì được trường Huỳnh Cung, nên lứa gà cũ được giữ lại. Rồi gà mẹ lại đẻ gà con, đàn gà ngày một đông đúc. Văn An vui vui, lứa gà con, qua mấy đời gà được nở trứng, ấp con và nuôi nấng, lứa gà trước đây, vẫn còn nòi giống duy trì. Con mái mẹ hiện nay, xòe cánh ấp mát cho đàn con, nó bờ ngõ nhìn Văn An, thầy giáo cũng hiểu, vì mình ít về nên chắc hẳn nó cảm thấy lạ. Văn An cười xòa, thầy giáo còn có bao nhiêu gà con biết nói đang khát khao học tập ở trường Huỳnh Cung mà thầy phải gấn bó trách nhiệm để vun xới!

Nhìn con trai, chững chạc, với vẻ mặt mô phạm khả ái, bà Chiêm đơn đả :

- Biết con hôm nay về, mẹ đã đốt trấu, vẫn dừ niêu cá rô ron, con thích ăn với rau muống chấm tương ngọt. Lại cả gạo tám xoan hơn đầu lãi của mẹ ở phiên chợ, mẹ chạy hàng sáo sáng nay.

Rau muống thả bè, mình dày nhưng chín mềm, chấm với tương ngọt. Lại cả đĩa rô ron, mềm rục và mùi thơm của gạo tám xoan nghi ngút bốc lên từ

bát cơm mẹ xới đầy. Văn An ăn hai bát, lửng dạ, còn muốn ăn thêm. Nhưng, nghĩ lời Đức Thánh dạy: người quân tử ăn không cần no... (quân tử thực vô cầu bão), dù mẹ ép xới nửa bát nữa nhưng Văn An, đặt chiếc bát và đôi đũa trên mâm, “vô phép” mẹ, rất từ tốn, lễ độ và cương quyết. Có lẽ, quyến luyến tình thầy trò ở trường Huỳnh Cung, Văn An thấy chưa đủ, vì cái cần khác của con người, là tình mẫu tử gắn bó, thiêng liêng. Mỗi lần về thăm mẹ, dù Văn An đã học cao và làm thầy giáo, cái không thể thiếu với anh là hơi ấm của mẹ, anh cảm thấy mình giống như chú gà con lúc nào cũng thích rúc vào cánh gà mẹ ở ngoài sân.

III - NỖI ẤM LÒNG CỦA NGƯỜI DẠY HỌC TÂM HUYẾT

Nếu ngày nay, có ai đó ví người dạy học, trong từng năm, như người lái đò chở khách qua sông, thì có lẽ ngày xưa, không có sự ví von hình ảnh đáng buồn này. Bởi vì, trật tự xếp hạng người xưa, “*quan, sư, phụ*”, nghĩa là thầy giáo được xếp dưới vua và trên cả người cha. Hơn nữa, lại có câu : “*một chữ cũng là thầy, nửa chữ cũng là thầy*”, đủ biết vị trí người dạy học được coi trọng biết chừng nào.

Đặc biệt, với thầy Chu Văn⁽¹⁾ ở trường Huỳnh Cung, trình độ dạy học và đức độ thầy, người xưa thường ví như sao Bắc Đẩu, như sao Khuê, uy tín, tiếng thơm lan truyền nhiều địa phương, kể cả Thăng Long và những vùng xa khác.

Và, uy tín của thầy đến nỗi ở trường Huỳnh Cung lan truyền một chuyện có tính chất huyền thoại như sau : Năm ấy, trời làm hạn hán, đúng thời điểm lúa con gái đang cần nước. Nhiều nơi lập đàn cầu đảo nhưng trời vẫn nắng chang chang. Trong số học trò theo học có một người hành tung thật lạ lùng, cứ đến lúc thầy sắp giảng bài, thì cậu

(1) Gọi Văn An, Chu Văn, đều rút gọn tên Chu Văn An

mới tới và ngồi phía dưới. Thầy Chu đã để ý quan sát nhiều buổi và cảm thấy ngồ ngộ. Một lần tan lớp, trò được gọi đến, thầy nói :

- Anh có biết, đạo này khô hạn, dân tình nháo nhác chờ mưa và lo đói. Anh có cách gì giúp dân ?

Người học trò đó ngạc nhiên nhìn thầy. Biết thầy đã rõ mọi chuyện, cậu lễ phép thưa :

- Thầy bảo, con xin cố .

Đoạn, anh ta nhúng bút vào nghiên mực, vẩy lên bốn phía. Như có phép lạ, trời tối sầm lại, sấm chớp ùng ùng và mưa như trút khắp vùng trường đống và những vùng khác nữa. Dân tình, ai cũng mở cờ trong bụng. Ruộng thấp, ruộng cao, đều no nước, lá lúa tốt xanh mơn mớn.

Buổi học hôm sau, vắng anh học sinh ấy. Lại thấy, ở Đầm Mực có xác con thuồng luồng lênh bênh nổi. Thì ra đó là con vua Thủy Tề nghe tiếng dạy học của thầy Chu Văn nên đội lốt người đến học, nhưng vì tự ý làm mưa trái ý vua Thủy Tề, nên bị vua trị tội.

Thầy Chu Văn cùng dân làng cho chôn xác con thuồng luồng tử tế. Sau đó lập đền thờ, nhớ ơn người học trò biết thương dân, hy sinh tính mạng đáng quý.

Dù truyện ấy là huyền thoại, nhưng vẫn còn cái lõi hiện thực, là tiếng thơm của thầy Chu đồn

xa, động đến cả cung vua Thủy Tề, khiến con trai vua cũng phải đội lốt người theo học. Mặt khác, chúng tỏ việc dạy và học ở trường Huỳnh Cung, thầy trò vẫn không xa rời dân và luôn gắn bó với sản xuất.

Lịch sử nước ta, thời thịnh Trần gắn liền với chiến công vang dội ngàn thu của Trần Hưng Đạo ba lần chiến thắng Nguyên - Mông.

Nhưng hào khí Đông A chỉ vang vọng ít đời sau Hưng Đạo Đại vương, vì đất nước không còn chiến tranh, đi vào hàn gắn vết thương chiến tranh và lo toan sản xuất để làm nước mạnh, dân giàu. Tiếc rằng, thanh bình và quyền lực kích thích không ít dục vọng cá nhân của vua, quan cầm quyền. Máu quyền lực làm cho từ vua đến quan mờ tối. Đời sống người dân lương thiện, người dân mà thời kháng chiến chống Nguyên - Mông không hề tiếc tính mạng, sức lực, tiền của, theo vua, để làm cho kháng chiến thắng lợi, mỗi ngày một điều đứng.

Đời Trần Anh Tông (1293 - 1314), bắt đầu có tín hiệu lung lay ở ý thức tư tưởng xã hội. Đã xa rồi cái thời cao tăng được mời vào đóng góp nhiếp chính. Lại càng xa rồi, tình cảm phôi phôi của nhà sư Lý Mãn Giác, tuy tu Thiền nhưng vẫn còn rung động, khi nhìn cánh mai xuân hé nở vào sáng sớm tinh mơ.